

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Cầm Văn T và bà Quàng Thị H. Địa chỉ: Tổ X, phường CC, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền: ông Cầm Văn N. Địa chỉ: Bản GL, phường QT, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lò Văn P – luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Ông Cầm Văn P. Địa chỉ: Tổ X, phường CC, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Cầm Văn Phước. Địa chỉ: Tổ X, phường CC, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Chị Cầm Thị Vân. Địa chỉ: Tổ X, phường CC, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Quàng Thị H chia diện tích đất của vợ chồng 1171,94m², đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Cầm Văn T, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00522 QSDĐ/413/QĐ-UB ngày 22/8/2000 tại

Bản Là, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La thành 3 phần, như sau:

- 1 phần diện tích của vợ chồng ông bà Cầm Văn T - Quàng Thị H có diện tích $390,94m^2$, tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường bê tông rộng 13,43 m, phía nam giáp đất ông Tấu, phía tây giáp đất chia cho Cầm Văn P, phía đông giáp đất chia cho Cầm Văn P dài 32,66m; phần giếng nước thuộc diện tích đất của vợ chồng tôi rộng 1,4m, dài 5,5m nhưng đây là giếng nước sử dụng chung của các hộ gia đình nên không ai được phép làm hàng rào kể cả vợ chồng tôi.

- 1 phần đất và tài sản trên đất cho anh Cầm Văn P có tổng diện tích $357,31 m^2$ (có một phần diện tích $100m^2$ vợ chồng tôi đã bán cho cháu Cầm Thị Vân). Phần đất của anh Phích được chia thành 3 phần như sau:

+ 1 phần có diện tích $57,14m^2$, tứ cận: Phía bắc giáp đường bê tông, rộng 5,5m, phía tây giáp đất ông Phúc dài 10,28m, phía đông giáp đất ông Thoan – bà Hoa dài 10,49m, phía nam giáp giếng nước rộng 5,5m.

+ 1 phần có diện tích $52,96m^2$, tứ cận: Phía bắc giáp giếng nước rộng 5,5m, phía nam giáp đất ông Tấu, rộng 5,5m, phía đông giáp đất ông bà Thoan – Hoa dài 9,25m, phía tây giáp đất ông Phúc dài 9,72m.

+ 1 phần có diện tích $147,21m^2$, tứ cận: Phía bắc giáp đường bê tông rộng 4,5m, phía tây giáp đất ông bà Thoan – Hoa dài 32,66m, phía đông giáp đất chị Cầm Thị Vân dài 29,85m, phía nam giáp đất ông Hậu.

+ Phần đất đã bán cho chị Cầm Thị Vân, diện tích $100m^2$. Phía bắc giáp đường, rộng khoảng 3,35m, phía tây giáp đất chia cho Cầm Văn P dài 29,85m, phía đông giáp đất chia cho Cầm Văn Phước, phía nam giáp đất ông Hậu.

- 1 phần đất và tài sản trên đất chia cho anh Cầm Văn Phước có diện tích $424,47m^2$ tứ cận như sau: phía bắc giáp đường, phía nam giáp đất ông Hậu; phía Tây giáp đất cháu Cầm Thị Vân, phía Đông giáp đất ông Thiện và ông Phóng.

Trên phần đất ông Thoan – bà Hoa chia cho anh Cầm Văn P và Cầm Văn Phước đều đã có nhà trên đất và đang được anh Phích và anh Phước sử dụng.

Có sơ đồ hình thể thửa đất kèm theo.

Về án phí:

- Ông Cầm Văn T và bà Quàng Thị H tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La.

- Ông Cầm Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn đã tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La (2);
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phan Thị Hoa